

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II.

Môn: Toán 6

Thời gian: 90'

I. Xác định mục tiêu

1. Kiến thức: Kiểm tra mức độ nhận thức của học sinh sau khi học xong học kì II năm học 2021- 2022. Đề đánh giá kết quả năm học.

Cụ thể, kiểm tra về:

+ **Số học :** Về phân số và số thập phân. Dữ liệu và xác suất thực nghiệm

+ **Hình học:** Những hình học cơ bản

2. Năng lực: Giúp h/s hình thành và phát triển:

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học.

+ Năng lực giải quyết vấn đề toán học.

+ Năng lực mô hình hoá toán học.

+ Năng lực sử dụng công cụ học toán.

+ Năng lực giao tiếp.

3. Phẩm chất:

+ Rèn luyện tính trung thực khi làm bài kiểm tra.

II. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá

1. Xác định thời điểm đánh giá: Thời điểm đánh giá là cuối học kỳ II Lớp 6

2. Xác định phương pháp, công cụ:

+ Phương pháp: Kiểm tra viết.

+ Công cụ: Câu hỏi, bài tập, đề kiểm tra.

III. Lựa chọn, thiết kế công cụ kiểm tra, đánh giá.

1. Cấu trúc của đề.

- Số lượng: 01 đề minh họa môn Toán ở lớp 6.
- Đề minh họa gồm 2 phần: Trắc nghiệm khách quan (TN) và Tự luận (TL).
 - + Phần TNKQ có 20 câu (Mỗi câu 0,25 điểm) tổng điểm là 5 điểm.
 - + Phần TL có 4 câu (Mỗi câu tự luận gồm nhiều câu thành phần) tổng điểm tự luận là 5 điểm
- Thời gian làm bài: 90 phút.

2. Ma trận đề:

Cấp độ	Mức 1 (Nhận biết)	Mức 2: Thông hiểu	Mức 3 Vận dụng	Cộng
Chủ đề				

					Cấp độ thấp		Cấp độ cao		
	KQ	TL	KQ	TL	KQ	TL	KQ	TL	
1. Về phân số	- C1 + 16: Nhận biết nghịch đảo của một phân số, tích của hai phân số nghịch đảo		- C2: Tìm được phân số tối giản của một phân số đã cho -C7+9+14+15: Tìm được kết quả của các phép toán cộng trừ nhân chia phân số.						
Số câu	2(1,16)		5(2,7,9,14,15)						7
Số điểm	0,5		1,25						1,75
Tỉ lệ %	5%		12,5%						17,5%
Thành tố NL	C1+16:TD		C2+7+9+14+15: GQVĐ						
2. Số thập phân	- C4+ 6 Nhận biết cách đổi số thập phân, hỗn số ra phân số		-C8: Tìm một số khi biết giá trị một phân số của nó -C19 +20+24a: Tìm được tích tổng hiệu của các số thập phân						
Số câu	2(4,6)		3(8,19,20)						5
Số điểm	0,5		0,75						1,25
Tỉ lệ %	5%		7,5%						12,5%
Thành tố NL	C4+6: GQVĐ		C8+C19 :GQVĐ C20:TD						
3. Những hình hình học cơ bản	-C3+5+10+11: Nhận biết được các loại góc trong hình học		C23: Tính được số đo góc trong hình vẽ cho trước, biết được tia phân giác của góc.						
Số câu	4(C3,5,10,11)			1(23)					5
Số điểm	1			1					2
Tỉ lệ %	10%			10%					20%
Thành tố NL	C3+5+10+11: TD			C23: MHH, GQVĐ					
4. Dữ liệu và xác suất thực nghiệm	-C12+13+17+18: Nhận biết được khái niệm, cách thu thập so sánh dữ liệu C18: Nhận biết phép toán số thập phân		Hiểu được đối tượng thống kê , tiêu chí thống kê		- C21: Vận dụng Tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện		Vận dụng được số liệu điều tra để lập bảng thống kê, trả lời các thông tin trên bảng		

Số câu	4(12,13,17,18)			1/2(22a)		1(21)		1/2(22b)	6
Số điểm	1			1		2		1	5
Tỉ lệ %	10%			10%		20%		10%	50%
Thành tố NL	C12+17+18:TD C13:CC			GQVD		C21:TD,GQVD		MHH,TD	
Tổng số câu	12		8	1+1/2		2		1/2	23
Tổng số đ	3		2	2		2		1	10
Tỉ lệ %	30%		20%	20%		20%		10%	100%

IV. Đề bài:

Phần 1: Trắc nghiệm khách quan(5đ). Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời mà em cho là đúng nhất

A. Câu hỏi

***Trắc nghiệm khách quan**

Khoanh vào chữ cái in hoa đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1: Nghịch đảo của $\frac{-6}{11}$ là:

A. $\frac{11}{-6}$

B. $\frac{6}{11}$

C. $\frac{-6}{-11}$

D. $\frac{-11}{-6}$

Câu 2: Rút gọn phân số $\frac{-27}{63}$ đến tối giản bằng

A. $\frac{9}{21}$

B. $\frac{-9}{21}$

C. $\frac{3}{7}$

D. $\frac{-3}{7}$

Câu 3: Góc bẹt bằng

A. 90^0

B. 180^0

C. 75^0

D. 45^0

Câu 4: Viết số thập phân 0,25 về dạng phân số ta được:

A. $\frac{1}{4}$

B. $\frac{5}{2}$

C. $\frac{2}{5}$

D. $\frac{1}{4}$

Câu 5: Góc phụ với góc 32^0 bằng

A. 148^0

B. 158^0

C. 58^0

D. 48^0

Câu 6: Viết hỗn số $3\frac{1}{5}$ dưới dạng phân số

A. $\frac{3}{5}$

B. $\frac{16}{5}$

C. $\frac{8}{5}$

D. $\frac{3}{5}$

Câu 7: Kết quả của phép tính : $\frac{9}{10} - \left(\frac{9}{10} - \frac{1}{10} \right) =$

A. $\frac{-1}{10}$

B. $\frac{1}{10}$

C. $\frac{9}{10}$

D. $\frac{-9}{10}$

Câu 8: Tính : 25% của 12 bằng

A. 2

B. 3

C. 4

D. 6

Câu 9: Có bao nhiêu phút trong $\frac{7}{15}$ giờ ?

A. 28 phút

B. 11 phút

C. 4 phút

D. 60 phút

Câu 10: Góc nào lớn nhất

A. Góc nhọn

B. Góc Vuông

C. Góc tù

D. Góc bẹt

Câu 11: Góc là hình gồm

A. Hai tia cắt nhau

B. Hai tia cùng thuộc một mặt phẳng

C. Hai tia ở giữa hai nửa mặt phẳng đối nhau.

D. Hai tia chung gốc

Câu 12: Mai nói rằng : “ Dữ liệu là số được gọi là số liệu “. Theo em Mai nói thế đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 13: Linh đo nhiệt độ cơ thể (đơn vị $^{\circ}\text{C}$) của 5 bạn trong lớp thu được dãy số liệu sau

37 36,9 37,1 36,8 36,9

Linh đã dùng phương pháp nào để thu thập số liệu trên

A. Quan sát

B. Làm thí nghiệm

C. Lập bảng hỏi

D. Phỏng vấn

Câu 14: Kết quả của phép tính $\frac{-1}{5} \cdot \frac{25}{8} =$

A. $\frac{-5}{8}$

B. $\frac{-1}{8}$

C. $\frac{25}{8}$

D. $\frac{-1}{25}$

Câu 15: Kết quả của phép tính $\frac{-1}{13} : \frac{7}{-13} =$

A. $\frac{-7}{169}$

B. $\frac{1}{7}$

C. $\frac{7}{169}$

D. $\frac{-1}{7}$

Câu 16: Hai phân số gọi là nghịch đảo của nhau nếu tích của chúng bằng

A. 0

B. 2

C. 1

D. -1

Câu 17: Trong biểu đồ cột, biểu đồ cột kép, khẳng định nào sau đây không đúng

A. Cột nào cao hơn biểu diễn số liệu lớn hơn

B. Cột nằm dưới trục ngang biểu diễn số liệu âm

C. Các cột cao như nhau biểu diễn các số liệu bằng nhau

D. Độ rộng các cột không như nhau

Câu 18 : Trong các câu sau câu nào sai

A. Tổng của hai số thập phân dương là một số thập phân dương

B. Tích của hai số thập phân dương là một số thập phân dương

C. Hiệu của hai số thập phân dương là một số thập phân dương

D. Thương của hai số thập phân dương là một số thập phân dương

Câu 19: Tích $214,9 \cdot 1,09$ là

A. 234,241

B. 209,241

C. 231,124

D. -234,241

Câu 20: Làm tròn số $a = 131,2956$ đến chữ số thập phân thứ hai ta được số thập phân nào sau đây:

A. 131,29

B. 131,31

C. 131,30

D. 130

*** Tự luận(6 Điểm)**

Câu 21 (2 điểm):

Mình gieo một con xúc sắc 100 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả như sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	15	20	18	22	10	15

Tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện sau:

- Số chấm xuất hiện là số chẵn
- Số chấm xuất hiện lớn hơn 2

Câu 22 (2 điểm): Khi điều tra về số m³ nước dùng trong một tháng của mỗi hộ gia đình trong xóm người điều tra ghi lại bảng sau

16	18	17	16	17	16	16	18	16	17
16	13	40	17	16	17	17	20	16	16

- Hãy nêu đối tượng thống kê và tiêu chí thống kê
- Hãy lập bảng thông kê số m³ nước dùng trong một tháng của mỗi hộ gia đình. Có bao nhiêu gia đình tích kiệm nước sạch (dưới 15m³/ tháng)

Câu 23 (1 điểm): Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox vẽ góc xOz = 50⁰ và $\angle xOy = 100^0$.

- Tính góc yOz ?
- Tia Oz có là tia phân giác của góc xOy không? Vì sao ?

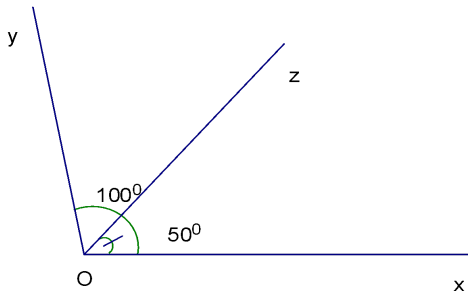
B. Đáp án và biểu điểm

*** Trắc nghiệm khách quan (5 điểm)**

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	D	B	A	C	B	B	B	A	D
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	D	B	A	A	B	C	D	C	A	C

***Tự luận (5 điểm)**

Câu	Nội dung	Điểm
21	a) Số lần gieo mà số chấm xuất hiện là số chẵn là: $20 + 22 + 15 = 57$	0,5
	Xác suất thực nghiệm của sự kiện số chất xuất hiện là số chẵn $\frac{57}{100}$ là: $\frac{57}{100} = 0.57$	0,5

	b)	Số lần gieo có số chấm xuất hiện lớn hơn 2 là: $100 - (15 + 20) = 65$ Xác suất thực nghiệm của sự kiện số chấm xuất hiện lớn hơn 2 là: $\frac{65}{100} = 0,65$	0,5 0,5														
22	a.	Đối tượng thống kê : số m ³ nước dùng trong một tháng của mỗi hộ gia đình trong xóm Tiêu chí thống kê: Số hộ gia đình dùng cùng số m ³ nước	0,5 0,5														
	b.	Bảng thống kê	0,75														
		<table><tr><td>Số m³ dùng trong một tháng</td><td>13</td><td>16</td><td>17</td><td>18</td><td>20</td><td>40</td></tr><tr><td>Số hộ gia đình</td><td>1</td><td>9</td><td>6</td><td>2</td><td>1</td><td>1</td></tr></table>	Số m ³ dùng trong một tháng	13	16	17	18	20	40	Số hộ gia đình	1	9	6	2	1	1	
	Số m ³ dùng trong một tháng	13	16	17	18	20	40										
Số hộ gia đình	1	9	6	2	1	1											
	- Có 1 hộ gia đình tiết kiệm nước sạch (Dưới 15m ³ /tháng).	0,25															
23	a)	 Tia Ot nằm giữa hai tia Ox và Oy (vì $\angle xOz < \angle xOy$) $\angle zOy = \angle xOy - \angle xOz = 100^\circ - 50^\circ = 50^\circ$	0,25 0,5														
	b)	Tia Oz là tia phân giác của góc xOy Vì tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy và $\angle zOy = \angle xOz$	0,25														